

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ
GIAI ĐOẠN 2020 - 2025, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

Nghệ An, năm 2019

Phần I

GIỚI THIỆU BỐI CẢNH

1. Thông tin chung về Viện

- Tên chính thức: Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh
- Cơ quan (Bộ chủ quản): Bộ Giáo dục & Đào tạo
- Địa chỉ: 182 - Đường Lê Duẩn – Thành phố Vinh – Nghệ An
- Subweb: vienktcn.vinhuni.edu.vn; Email: vienktcn@vinhuni.edu.vn
- Năm thành lập: 2017

2. Chức năng và nhiệm vụ

2.1. Chức năng

Viện Kỹ thuật và Công nghệ là đơn vị quản lý chuyên môn, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng.

2.2. Nhiệm vụ

a) Quản lý cán bộ và người học thuộc Viện theo phân công của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh;

b) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo trình độ đại học và sau đại học theo kế hoạch chung của Trường Đại học Vinh, bao gồm: (i) xây dựng các đề án mở các ngành đào tạo theo định hướng phát triển của Trường; (ii) xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo của các ngành, chuyên ngành thuộc Viện; (iii) tổ chức biên soạn đề cương chi tiết các học phần giảng dạy của ngành, chuyên ngành; (iv) tổ chức biên soạn tài liệu, giáo trình giảng dạy; (v) tổ chức nghiên cứu cải tiến phương pháp giảng dạy, học tập; (vi) xây dựng và thực hiện phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học, bảo đảm chuẩn đầu ra của người học theo cam kết đã được công bố; tổ chức các hoạt động giáo dục khác gồm thực tập, tham quan thực tế cho người học;

c) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế; hợp tác với các tổ chức khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp và huy động sự tham gia của các tổ chức này vào quá trình đào tạo của Viện;

d) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ; kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

e) Xây dựng kế hoạch trang bị cơ sở vật chất bảo đảm điều kiện chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học;

f) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ và người học;

g) Tổ chức đánh giá cán bộ và giảng viên trong Viện và tham gia đánh giá cán bộ quản lý trong trường theo quy định của Nhà trường;

h) Tham gia tư vấn, góp ý chuyên môn thuộc lĩnh vực của Viện cho các cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương, hỗ trợ, phục vụ cộng đồng về các hoạt động chuyên môn tại địa phương;

i) Xây dựng chính sách, kế hoạch, kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng phù hợp để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường và của Viện.

k) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hiệu trưởng phân công.

3. Cơ cấu tổ chức và đội ngũ cán bộ

- Ban lãnh đạo Viện; Hội đồng Viện, Công đoàn bộ phận; Liên chi đoàn, Liên chi hội sinh viên;

- Bộ môn: Điện tử viễn thông; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Khoa học máy tính và Công nghệ phần mềm; Hệ thống và Mạng máy tính; Công nghệ kỹ thuật Ô tô.

- Tổng số cán bộ: 47, trong đó tổng số cán bộ giảng dạy là 43, tổng số cán bộ hành chính là 4, trình độ: PGS: 3, TS: 12, ThS: 32.

4. Các ngành và chuyên ngành đào tạo

- Các ngành đào tạo trình độ đại học (6 ngành): Kỹ thuật điện tử, viễn thông; Kỹ thuật điện, điện tử; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ thông tin; Khoa học máy tính; Công nghệ kỹ thuật Ô tô.

- Các chuyên ngành đào tạo Thạc sĩ (1 ngành): Công nghệ thông tin.

5. Bối cảnh

Xu thế toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nền kinh tế tri thức đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao đảm bảo cho sự phát triển bền vững của đất nước. Để đáp ứng yêu

cầu này, nhiệm vụ của giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học và trung cấp chuyên của nước ta nói riêng, không những phải mở rộng quy mô mà còn phải không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đến nay ngành giáo dục đã từng bước tăng cường kỉ cương, nề nếp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong các cơ sở giáo dục và đào tạo. Một số điểm nhấn nổi bật đã thực hiện như: đổi mới chương trình, sách giáo khoa; phân luồng, đổi mới thi, kiểm tra đánh giá, tự chủ đại học.

Năm 2001 Trường Đại học Sư phạm Vinh chuyển thành Trường Đại học Vinh đa ngành và đã từng bước mở rộng đào tạo theo hướng đa ngành, đa cấp, đa lĩnh vực, đáp ứng nhu cầu học tập, nâng cao trình độ của nhân dân trên địa bàn. Theo đó, cơ sở vật chất đã được quan tâm đầu tư, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Trường Đại học Vinh là trung tâm lớn về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ cộng đồng của khu vực Bắc Trung Bộ.

Năm 2017, Trường Đại học Vinh bắt đầu triển khai đề án tái cấu trúc nhà trường, sắp xếp lại các khoa và ngành nghề đào tạo trên cơ sở phân tích các tiềm năng, thế mạnh và thách thức. Ngày 04/04/2017 Hiệu trưởng trường Đại học Vinh ban hành quyết định số 261/QĐ-ĐHV thành lập Viện Kỹ thuật và Công nghệ. Viện được thành lập từ 3 khoa gồm Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Điện tử viễn thông và Khoa Vật lý và Công nghệ. Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng ủy và Ban giám hiệu, tình hình chính trị tư tưởng của cán bộ trong Viện ổn định, đội ngũ cán bộ đồng thuận và nhanh chóng thích nghi với môi trường mới vì mục tiêu phát triển của Viện trước yêu cầu của sự phát triển trong giai đoạn mới. Khi được thành lập, Viện cơ cấu lại các tổ chức và các bộ môn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao và đề tập trung nâng cao chất lượng tất cả các mặt hoạt động, đẩy mạnh các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An và khu vực Bắc Trung Bộ.

Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập và cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng

giáo dục từ năm 2017. Đây là điều kiện thuận lợi cho Viện có được đơn vị tư vấn ngay trong Trường để thực hiện công tác đánh giá chất lượng nội bộ nhằm triển khai và thực hiện có hiệu quả công tác đào tạo và đảm bảo chất lượng. Trường Đại học Vinh được Hiệp hội CDIO quốc tế kết nạp là thành viên chính thức năm 2018, tạo điều kiện cho Viện xây dựng các chương trình đào tạo các ngành kỹ thuật theo quy trình hướng tới các chuẩn mực quốc tế. Trường Đại học Vinh được tổ chức Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN (AUN-QA) chấp nhận là thành viên liên kết năm 2018, tạo tiền đề cho Viện thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo theo chuẩn của khu vực.

Bên cạnh những thuận lợi trên, Viện đang còn một số tồn tại, hạn chế cần sớm khắc phục như: chương trình đào tạo chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường lao động; hoạt động nghiên cứu khoa học chưa đem lại nguồn thu, chưa gắn kết chặt chẽ với hoạt động đào tạo, cũng như chưa góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn ở địa phương đặt ra. Ngoài ra, Trường Đại học Vinh, trong đó có Viện Kỹ thuật và Công nghệ, đóng trên địa bàn Nghệ An, là tỉnh có điều kiện kinh tế – xã hội phát triển chưa cao, điều kiện tự nhiên không thuận lợi, xa các vùng kinh tế lớn, có ít khu công nghiệp và ít doanh nghiệp sản xuất liên quan đến các ngành nghề kỹ thuật. Điều kiện tự nhiên và xã hội này là yếu tố quan trọng ảnh hưởng lớn đến cơ hội tìm kiếm việc làm của người học, dẫn đến ảnh hưởng cả về chất lượng và số lượng trong công tác tuyển sinh.

6. Những điểm mạnh cơ bản

a) Viện đã tuyên bố tầm nhìn và sứ mạng phù hợp với bối cảnh xã hội, Luật Giáo dục đại học và triết lý giáo dục, tầm nhìn và sứ mạng của Trường Đại học Vinh.

b) Chức năng và nhiệm vụ của Viện được xác định rõ ràng, phù hợp với chức năng và nhiệm vụ được quy định bởi nhà trường cũng như tầm nhìn, sứ mạng của Viện; hệ thống văn bản điều hành các hoạt động đã được xây dựng ngay sau khi Viện được thành lập.

c) Cơ cấu tổ chức của Viện thực hiện đúng theo Điều lệ trường đại học, phù hợp với văn bản pháp luật của Nhà nước quy định về tổ chức hoạt động của cơ sở giáo dục đại học. Hoạt động của các tổ chức chính trị, đoàn thể trong Viện dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi và tăng hiệu quả của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học.

d) Đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ đạt chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục đại học, có năng lực đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học; Viện có kế hoạch xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên theo chủ trương quy hoạch cán bộ, kế hoạch phát triển đội ngũ và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ giảng viên của nhà trường hàng năm.

e) Các chương trình đào tạo được xây dựng theo Quy định hiện hành và có tính liên thông cao giữa các bậc và các hệ đào tạo; các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kỳ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội; từ năm học 2017-2018, Viện đã xây dựng các chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO có mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng và được công bố tới các bên liên quan, có nội dung hợp lý và cập nhật dựa trên sự phản hồi của các bên liên quan và sự tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước; chương trình đào tạo được tin học hóa, kế hoạch giảng dạy của giảng viên được quản lý thông qua hệ thống phần mềm.

f) Hoạt động khoa học công nghệ được lập kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt; kết quả nghiên cứu khoa học đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín tăng dần hàng năm, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo; Viện đã ký các biên bản hợp tác với các trường đại học, các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ, các doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

g) Phương pháp giảng dạy được đổi mới theo hướng lấy người học làm trung tâm nhằm phát huy năng lực tự học, tự nghiên cứu của người học; phương pháp và quy trình đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, đảm bảo tính khách quan, khoa học và công khai; kết quả học tập của sinh viên được lưu trữ an toàn, chính xác; quá trình đánh giá kết quả học tập được tiến hành độc lập với quá trình tổ chức giảng dạy; sinh viên đăng ký học, đăng ký thi và xem kết quả học tập thông qua hệ thống phần mềm quản lý học tập, tìm kiếm các thông tin, văn bản thông qua hệ thống trang tin điện tử của Viện và Trường.

h) Hệ thống phòng học và giảng đường được thiết kế theo tiêu chuẩn thiết kế trường học và được trang bị các thiết bị nghe, nhìn; hệ thống phòng thực hành, phòng thí nghiệm được trang bị các thiết bị thí nghiệm đầy đủ và hiện đại, đảm bảo tốt việc thực hành các kỹ năng nghề nghiệp của người học; Trung tâm thông

tin – thư viện có cơ sở vật chất và trang thiết bị hiện đại, có nguồn học liệu khá đầy đủ, đảm bảo việc tự học của người học.

i) Người học được quản lý và được hỗ trợ các điều kiện thuận lợi nhất trong học tập; quá trình học tập của người học được quản lý qua hệ thống phần mềm quản lý học tập; người học được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi và các chính sách xã hội, được hỗ trợ tìm kiếm việc làm; người học được bảo đảm các điều kiện cơ sở vật chất cho các hoạt động văn hóa – văn nghệ, thể dục – thể thao, vui chơi, giải trí.

j) Một số ngành của Viện có số lượng cựu sinh viên đông và đang công tác hầu khắp trên cả nước, giữ nhiều vai trò quan trọng trong các cơ quan nhà nước và các doanh nghiệp và đang tích cực hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của Viện.

7. Những tồn tại chủ yếu

a) Tầm nhìn và sứ mạng của Viện chưa được giới thiệu rộng rãi tới các bên liên quan và chưa được chuyển hóa đầy đủ vào các hoạt động của Viện.

b) Viện chưa có kế hoạch phát triển từng giai đoạn cho các nhiệm vụ hoạt động cần đạt được với các chỉ số thực hiện cụ thể; chưa có các biện pháp giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả các nhiệm vụ đã phân công cho các tổ chức và các cá nhân.

c) Chiến lược phát triển đội ngũ giảng viên có trình độ khoa học cao được xác định chưa đầy đủ, hiện tại đang mất cân bằng về độ tuổi và kinh nghiệm công tác, chưa đảm bảo có sự kế thừa tốt; đội ngũ giảng viên của một số ngành mới còn thiếu và yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu đào tạo; chưa có các giải pháp tích cực và các chế tài đủ mạnh buộc giảng viên đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế.

d) Quy trình xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo đã thực hiện đúng quy định, tuy nhiên chưa thường xuyên lấy ý kiến đầy đủ của các bên liên quan như cựu sinh viên, các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng lao động để điều chỉnh và bổ sung kịp thời chuẩn đầu ra cho việc phát triển chương trình; hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ sinh viên trong việc đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên nhằm cải tiến các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá chưa được hoàn thiện; chưa thay đổi mạnh mẽ phương pháp giảng dạy của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên để thích ứng với phương thức

đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra (outcome-based education); một số tài liệu, giáo trình phục vụ cho đào tạo còn thiếu và có nội dung chưa cập nhật.

e) Chưa có kế hoạch phát triển khoa học công nghệ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với các chỉ số thực hiện cụ thể như số các đề tài, dự án, bằng phát minh hay sự gia tăng số lượng và chất lượng các bài báo khoa học theo từng giai đoạn; chưa có nhiều đề tài khoa học ứng dụng giải quyết các vấn đề thực tiễn sản xuất, phát triển kinh tế địa phương; chưa có sự cân bằng số các công trình nghiên cứu khoa học giữa các ngành và các giảng viên; chưa xây dựng được nhiều nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh để làm cơ sở cho việc định hướng, phát triển nghiên cứu và chuyển giao công nghệ; chưa có biện pháp tăng nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ nhằm góp phần tăng nguồn thu cho Viện; chưa có giải pháp hiệu quả nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực ngoại ngữ cho giảng viên nhằm phát triển các hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học.

f) Việc xây dựng lộ trình triển khai các hoạt động tự đánh giá cũng như kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo theo các bộ tiêu chuẩn quốc gia, khu vực và quốc tế còn chậm; chưa được đẩy mạnh mở rộng quan hệ hợp tác với mạng lưới cựu sinh viên, tổ chức và các doanh nghiệp sử dụng lao động để thường xuyên lấy ý kiến đầy đủ cho việc cải tiến các chương trình đào tạo cũng như hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm; chưa công bố đầy đủ thông tin về người học tốt nghiệp trên trang tin điện tử của Viện.

g) Nguồn học liệu để bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học chưa đầy đủ; hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm quản lý tổng thể nhà trường chưa đồng bộ; hệ thống cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành thí nghiệm chưa được sử dụng hiệu quả.

h) Sự tham gia của cán bộ, giảng viên trong các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt và tìm kiếm cho người học chưa nhiều; nội dung và hình thức giáo dục, tuyên truyền, xây dựng lối sống lành mạnh, lòng ghép giáo dục đạo đức và pháp luật cho người học trong các hoạt động của Viện chưa hiệu quả.

8. Cơ hội

a) Xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đã và đang tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung và giáo dục, đào tạo nói

riêng. Cộng đồng ASEAN hình thành sẽ là lợi thế quan trọng để giáo dục đại học Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với khu vực và thế giới.

b) Tình hình chính trị ổn định, thành tựu của công cuộc đổi mới cùng với quá trình mở cửa, hội nhập sâu rộng với thế giới đã tạo điều kiện cho mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, trao đổi, học hỏi kinh nghiệm trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển đội ngũ giảng viên.

c) Viện luôn nhận được sự quan tâm, đầu tư và chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả của Đảng ủy, Ban giám hiệu đối với mọi mặt hoạt động. Viện hiện có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, đồng bộ, cơ bản đáp ứng được nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

d) Đội ngũ cán bộ, giảng viên trong toàn Viện nhận thức được những kỳ vọng của xã hội đối với giáo dục kỹ thuật trong sự phát triển khoa học và công nghệ nên có sự đồng thuận cao với tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược phát triển của Viện, xem đó là động lực phấn đấu cho sự phát triển của Viện.

e) Trường Đại học Vinh chính thức trở thành thành viên Hiệp hội CDIO quốc tế năm 2018. Đây là một bước tiến quan trọng của Nhà trường khi tiếp nhận mô hình đào tạo CDIO để xây dựng và phát triển các chương trình đào tạo cho các ngành kỹ thuật.

f) Trường Đại học Vinh là thành viên liên kết của mạng lưới các trường đại học ASEAN. Đây là điều kiện để đăng ký kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA, từ đó chất lượng đào tạo sẽ được tiếp cận và hội nhập với khu vực và quốc tế.

g) Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh được Bộ giáo dục và Đào tạo thành lập tháng 11 năm 2017 và cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục tháng 4 năm 2018. Đây là đơn vị tư vấn việc đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng và cải tiến chất lượng thường xuyên của các chương trình đào tạo của Viện.

h) Thành tựu của sự phát triển khoa học và công nghệ đã tạo tiền đề cho người học quan tâm đến các ngành nghề thuộc khối kỹ thuật, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyển sinh của Viện.

9. Thách thức

a) Xã hội trong quá trình mở cửa, hội nhập sâu rộng với thế giới yêu cầu chất lượng đào tạo ngày càng tăng, trong khi do Trường đóng ở địa phương xa các trung tâm lớn của Đất nước, chất lượng tuyển sinh đang suy giảm.

b) Cùng với quá trình hội nhập, toàn cầu hóa, nhiều trường đại học đang được mở ra, tạo ra sự cạnh tranh gay gắt trong công tác tuyển sinh cũng như trong đào tạo nguồn nhân lực.

c) Cơ cấu và trình độ giảng viên chưa đồng đều giữa các ngành, nhất là đối với các ngành mới mở. Năng lực nghiên cứu và ngoại ngữ của nhiều giảng viên chưa đáp ứng được yêu cầu hội nhập và quan hệ quốc tế.

d) Văn hóa đảm bảo chất lượng của đội giảng viên mới được hình thành, chưa thành thói quen trong công tác đào tạo, trong khi yêu cầu ngày càng cao của xã hội về công tác đảm bảo chất lượng đào tạo theo các chuẩn mực quốc tế để đảm bảo sự công nhận về trình độ đào tạo và thích ứng với thế giới việc làm trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

e) Không có các nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ, từ đó chưa có nguồn kinh phí đầu tư cho các hoạt động nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên.

Phần II

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

1. Sứ mạng

Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh, là đơn vị giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học.

2. Tầm nhìn đến năm 2030

Viện Kỹ thuật và Công nghệ trở thành Trường Kỹ thuật và Công nghệ trực thuộc Đại học Vinh, có một số ngành đào tạo bậc đại học đạt tiêu chuẩn quốc tế.

3. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học ứng dụng và tạo dựng môi trường học thuật mở để hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực cá nhân, hướng đến sự thành đạt của người học.

Phần III
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2020-2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030

1. Lĩnh vực đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2025, chất lượng đào tạo đại học và sau đại học của Viện Kỹ thuật và Công nghệ đạt chuẩn mực quốc tế đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp

1) Mục tiêu 1: Đa dạng hóa ngành nghề đào tạo và nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh.

Giải pháp:

a) Định kỳ khảo sát nhu cầu của thị trường lao động để mở ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

b) Xây dựng kế hoạch, chính sách truyền thông tuyển sinh hiệu quả.

c) Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới cựu sinh viên để quảng bá hình ảnh của Viện và phục vụ công tác tuyển sinh.

d) Tăng cường kết nối với doanh nghiệp để mở rộng nguồn tuyển sinh theo nhu cầu xã hội, chú trọng các vùng kinh tế - xã hội trọng điểm.

e) Tăng cơ hội có việc làm cho sinh viên thông qua các chương trình hợp tác với các doanh nghiệp, giới thiệu việc làm, thực tập sinh và xuất khẩu lao động để thu hút tuyển sinh.

2) Mục tiêu 2: Cải tiến chất lượng chương trình và phương thức đào tạo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục - đào tạo và hội nhập quốc tế.

Giải pháp:

a) Tiếp tục phát triển chương trình đào tạo tiếp cận CDIO cho các ngành đào tạo bậc đại học.

b) Phát triển chương trình đào tạo linh hoạt, tăng tính liên thông giữa các ngành đào tạo để người học có thể học đồng thời 2 chương trình và người đã tốt nghiệp học văn bằng thứ 2 nhằm tăng cơ hội việc làm cho người học.

c) Phát triển chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng ứng dụng để đáp ứng nhu cầu xã hội.

d) Định kỳ thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo để rà soát, điều chỉnh, bổ sung chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

e) Phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao, chú trọng phát triển kỹ năng làm việc trong môi trường có yếu tố nước ngoài; xây dựng chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn và đủ điều kiện để kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo các chuẩn quốc tế như AUN-QA và ABET.

f) Xây dựng các chương trình đào tạo có thể chuyển đổi tín chỉ với các trường đại học trong và ngoài nước.

3) Mục tiêu 3: Giảng dạy và học tập đảm bảo phát triển năng lực người học đáp ứng yêu cầu của xã hội.

Giải pháp:

a) Tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với phương thức đào tạo tiếp cận CDIO và triết lý giáo dục học trải nghiệm đáp ứng chuẩn đầu ra.

b) Phân công nhiệm vụ của giảng viên dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

c) Tăng cường seminar trao đổi kinh nghiệm cải tiến hoạt động dạy học theo định hướng lấy người học làm trung tâm và đáp ứng chuẩn đầu ra.

d) Tạo điều kiện cho cán bộ giao lưu, trao đổi học thuật, chia sẻ tài nguyên học liệu và kinh nghiệm dạy học, nghiên cứu; rèn luyện tính tự tin, kỹ năng làm việc nhóm và năng lực sử dụng ngoại ngữ.

e) Mời chuyên gia trong và ngoài nước có kinh nghiệm tập huấn cho cán bộ về phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá để nâng cao năng lực cán bộ và cập nhật phương pháp giảng dạy.

f) Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động để gắn quá trình đào tạo với thế giới việc làm.

g) Nâng cao năng lực nghiên cứu, tự học, tự bồi dưỡng về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá cho giảng viên.

h) Tăng cường rèn luyện cho người học phương pháp học tập chủ động, học trải nghiệm, học theo đồ án,...

i) Tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, phát triển các năng lực tự học, tự nghiên cứu, năng lực làm việc nhóm, giao tiếp, tư duy phản biện và tự học suốt đời,... cho người học.

4) Mục tiêu 4: Hoạt động kiểm tra, đánh giá năng lực người học đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và đạt được chuẩn đầu ra.

Giải pháp:

a) Định kỳ rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản và công cụ hỗ trợ hoạt động kiểm tra đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo phát triển năng lực người học.

b) Định kỳ rà soát, cải tiến nội dung, hình thức và phương pháp đánh giá kết quả học tập theo hướng đánh giá năng lực của người học, đảm bảo tính đa dạng, độ giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng.

c) Định kỳ rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống ngân hàng đề thi đảm bảo chất lượng đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

d) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra đánh giá để đảm bảo tính công bằng, khách quan.

e) Thường xuyên thu thập thông tin phản hồi về kết quả đánh giá người học để rà soát, điều chỉnh hoạt động kiểm tra đánh giá nhằm đảm bảo sự phù hợp giữa giảng dạy, kiểm tra đánh giá và mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra.

5) Mục tiêu 5: Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đạt hiệu quả đồng bộ với mục tiêu đào tạo.

Giải pháp:

a) Tăng cường và cải tiến các hoạt động phục vụ, hỗ trợ học tập và nghiên cứu để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người học.

b) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người học, xây dựng và khai thác có hiệu quả hệ thống quản trị học tập (LMS).

c) Tăng cường xuất bản giáo trình, biên soạn, biên dịch nguồn học liệu và phát triển nguồn học liệu mở.

d) Đầu tư và bổ sung trang thiết bị thực hành thí nghiệm phục vụ dạy học tiếp cận CDIO.

e) Đề xuất Nhà trường xây dựng và hoàn thiện không gian học tập linh hoạt phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu cho người học.

f) Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để rà soát, cải tiến hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học; cải tiến hệ thống giám sát người học dựa trên chức năng nhiệm vụ của Viện.

6) Mục tiêu 6: Tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có việc làm sau khi ra trường.

Giải pháp:

a) Thực hiện hiệu quả công tác tư vấn học tập cho người học trong việc lập kế hoạch học tập, lựa chọn môn học và triển khai kế hoạch học tập phù hợp để tăng tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn và có kết quả tốt nghiệp cao.

b) Tăng cường chất lượng phục vụ người học, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo để tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn.

c) Nâng cao năng lực tiếng Anh và Công nghệ thông tin cho người học để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cách mạng công nghiệp 4.0.

d) Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin về thị trường lao động theo địa phương, vùng, ngành để giới thiệu việc làm cho người học.

e) Thiết lập mạng lưới kết nối cựu sinh viên để thu thập thông tin và giới thiệu việc làm cho sinh viên.

f) Tăng cường liên kết với các doanh nghiệp và tổ chức nước ngoài để mở rộng mạng lưới thực tập sinh và tạo cơ hội việc làm cho người học.

2. Lĩnh vực khoa học và công nghệ

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Khoa học kỹ thuật và công nghệ nhằm nâng cao vị thế và thương hiệu của Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh. Đến năm 2030, Viện có một số lĩnh vực nghiên cứu đạt trình độ hiện đại so với khu vực.

2.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp

1) Mục tiêu 1: Hoạt động khoa học công nghệ đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học.

Giải pháp:

a) Tăng cường nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế trong việc nâng cao chất lượng đào tạo.

b) Nâng cao phương pháp luận nghiên cứu khoa học của giảng viên theo chuẩn mực quốc tế thông qua các hoạt động trao đổi học thuật.

c) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong sinh viên, gắn kết hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên với sinh viên.

d) Tổ chức và chủ trì các hội nghị, hội thảo khoa học; xây dựng cơ chế hỗ trợ các nhà khoa học, cán bộ và giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học ở trong nước và trong khu vực ASEAN.

2) Mục tiêu 2: Tăng số lượng công bố trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus bình quân 20%/năm.

Giải pháp:

a) Xây dựng chính sách hỗ trợ hợp lý cho các cá nhân và các nhóm nghiên cứu có công bố quốc tế thông qua xét chọn và giao các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để triển khai.

b) Nâng cao năng lực nghiên cứu và công bố quốc tế của giảng viên thông qua các hoạt động trao đổi học thuật, tham gia các hội nghị - hội thảo khoa học có sự tham gia của các nhà khoa học nước ngoài có uy tín.

c) Tăng cường hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học trong nước và quốc tế uy tín để gia tăng số lượng và chất lượng các công trình công bố quốc tế trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI/Scopus.

d) Khuyến khích và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giảng viên triển khai các nhiệm vụ hợp tác nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với các đối tác nước ngoài.

e) Rà soát, quy hoạch, sắp xếp và bổ sung hệ thống phòng thí nghiệm, cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu chuyên sâu theo định hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các nhóm nghiên cứu, các nhà khoa học nhằm sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất đã được đầu tư.

3) Mục tiêu 3: Xây dựng và phát triển 3 - 5 nhóm nghiên cứu liên ngành khoa học kỹ thuật định hướng mục tiêu đến năm 2025 đạt trình độ và kết quả nghiên cứu tầm khu vực và quốc tế.

Giải pháp:

a) Thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành của các ngành Công nghệ thông tin, Tự động hóa, Điện tử viễn thông, Kỹ thuật điện điện tử, Công nghệ

kỹ thuật ô tô nhằm giải quyết các vấn đề kỹ thuật và công nghệ có yêu cầu tính liên ngành.

b) Xây dựng chính sách hỗ trợ với những cam kết mạnh mẽ về hỗ trợ tài chính và ưu tiên xét duyệt đề tài, dự án cho các nhóm nghiên cứu có sản phẩm nghiên cứu là bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus.

c) Tranh thủ tối đa sự ủng hộ, giúp đỡ của các nhà khoa học trong và ngoài nước để xây dựng và phát triển các nhóm nghiên cứu, các hướng nghiên cứu mới phù hợp với xu thế phát triển khoa học và công nghệ của thế giới, đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

4) Mục tiêu 4: Ưu tiên đầu tư một số hướng phát triển công nghệ, một số loại hình dịch vụ khoa học và công nghệ phù hợp nhằm tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu Viện Kỹ thuật và Công nghệ, Trường Đại học Vinh.

Giải pháp:

a) Căn cứ tiềm lực thực tế, các điều kiện khách quan và chủ quan để lựa chọn một số hướng nghiên cứu triển khai ứng dụng phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội, xây dựng kế hoạch đầu tư nguồn lực phát triển.

b) Thành lập một số tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ hoạt động theo cơ chế tự chủ dưới sự bảo trợ pháp lý và hỗ trợ của Trường Đại học Vinh.

c) Xây dựng một số phòng thí nghiệm đạt chuẩn quy định để thực hiện hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ.

d) Tăng cường sự hiện diện, ảnh hưởng của Viện ở địa bàn các tỉnh khu vực Bắc Trung Bộ thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyên gia công nghệ.

3. Lĩnh vực tổ chức - nhân sự

3.1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý, xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu.

3.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp

1) Mục tiêu 1: Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và cơ chế quản lý phù hợp với xu thế phát triển của quốc gia và quốc tế.

Giải pháp:

a) Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng chức năng nhiệm vụ, quy chế hoạt động, quy trình giải quyết công việc, nguyên tắc phối kết hợp giữa bộ máy quản

lý và các bộ môn để tạo sự năng động, đồng bộ và hiệu quả trong điều hành, quản lý Viện.

b) Hoàn thiện cơ cấu Viện để có mô hình cơ cấu hợp lý, tinh gọn, linh hoạt nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn nhân lực và cơ sở vật chất.

c) Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành tất cả các hoạt động của Viện.

2) Mục tiêu 2: Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia.

Giải pháp:

a) Xây dựng quy chế tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

b) Định kỳ xây dựng và rà soát quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý công khai, minh bạch và đáp ứng ngày càng cao tiêu chuẩn cán bộ quản lý.

c) Xây dựng đề án đào tạo bồi dưỡng cán bộ, trong đó có quy hoạch và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn về lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học, năng lực quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

d) Đẩy mạnh dân chủ, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên bao gồm chế độ chính sách theo quy định, chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng.

e) Xây dựng chính sách tạo nguồn, thu hút nhân tài để tuyển dụng được những người có trình độ chuyên môn giỏi về công tác tại Viện.

4. Lĩnh vực đảm bảo chất lượng

4.1. Mục tiêu tổng quát

Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA, tăng cường kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế, xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh.

4.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp

1) Mục tiêu 1: Nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA.

Giải pháp:

a) Xây dựng và ban hành hệ thống các văn bản quy định đảm bảo chất lượng nội bộ theo chu trình PDCA.

b) Định kỳ rà soát và cập nhật kế hoạch đảm bảo chất lượng, củng cố hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng.

c) Định kỳ cập nhật sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu và điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ có tham khảo ý kiến của các bên liên quan gồm cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên, cựu sinh viên, cựu học viên và nhà tuyển dụng.

d) Bồi dưỡng nâng cao năng lực và chuyên nghiệp hóa cho đội ngũ cán bộ, chuyên viên làm công tác đảm bảo chất lượng nội bộ.

e) Tăng cường hoạt động quản lý, giám sát, kiểm tra việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của các tổ chức và các bộ môn.

2) Mục tiêu 2: Tăng cường công tác kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

Giải pháp:

a) Định kỳ tự đánh giá chương trình đào tạo và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đến hết năm 2022 có ít nhất 30%, đến hết năm 2025 có 50% và đến hết năm 2030 có ít nhất 80% các chương trình đào tạo của Viện được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn của đánh giá chất lượng chương trình đào tạo quốc gia.

b) Lựa chọn chương trình đào tạo, xây dựng hồ sơ đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng của Mạng lưới các trường đại học ASEAN. Đến năm 2022 có 20% các chương trình đào tạo được kiểm định theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN.

3) Mục tiêu 3: Xây dựng văn hóa chất lượng dựa trên giá trị cốt lõi của Trường Đại học Vinh.

Giải pháp:

a) Khảo sát ý kiến các bên liên quan, xử lý thông tin phản hồi làm phục vụ việc cải tiến chất lượng và công tác kiểm định chất lượng.

b) Xây dựng hệ thống quản lý thông tin và số hóa các văn bản, tài liệu để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định chất lượng.

5. Lĩnh vực hợp tác quốc tế

5.1. Mục tiêu tổng quát

Hoạt động hợp tác quốc tế góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại, tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trong khu vực ASEAN; tạo điều kiện đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao cho đất nước và các nước trong khu vực.

5.2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp

1) Mục tiêu 1: Hoạt động hợp tác quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng hiện đại.

Giải pháp:

a) Hợp tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tổ chức và tham gia hội nghị, hội thảo khoa học.

b) Hợp tác trao đổi cán bộ, giảng viên và người học.

c) Triển khai các chương trình liên kết đào tạo, trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ.

d) Tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.

e) Khen thưởng và vinh danh các cán bộ quản lý, giảng viên và người học có kết quả xuất sắc về hợp tác quốc tế.

f) Xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình, dự án do các tổ chức nước ngoài tài trợ.

2) Mục tiêu 2: Đẩy mạnh hoạt động đào tạo lưu học sinh.

Giải pháp:

a) Xây dựng và triển khai kế hoạch quảng bá tuyển sinh phù hợp đối tượng người học nhằm tăng số lượng lưu học sinh học tập tại Viện.

b) Tổ chức hoạt động đào tạo phù hợp đối tượng lưu học sinh.

c) Đa dạng hóa các hình thức hỗ trợ lưu học sinh trong học tập và sinh hoạt.

d) Xây dựng mạng lưới cựu lưu học sinh.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT KẾT QUẢ

4.1. Tổ chức thực hiện

Các Tổ chức, Bộ môn có trách nhiệm lập kế hoạch hành động, mô tả các nhiệm vụ và hành động cụ thể, các bước thực hiện, yêu cầu và cam kết về nguồn lực và công tác tổ chức thực hiện phù hợp với kế hoạch chiến lược của Viện.

4.2. Tổ chức giám sát và đánh giá kết quả

Viện trưởng phân công Ban lãnh đạo Viện giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của các Bộ môn. Hàng năm, Viện tiến hành sơ kết việc thực hiện Kế hoạch chiến lược.